TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2023
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ninh Thị T, sinh năm 199....

Địa chỉ; Thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Chu Việt H, sinh năm 199...

Địa chỉ: Thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ninh Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Việt H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã K L, huyện L N, tỉnh B G. Sau ngày cưới vợ chồng chị làm ăn sinh sống tại thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ

chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Việt H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/20... Hiện nay cháu đang ở cùng gia đình anh H. Khi ly hôn do cháu còn quá nhỏ nên chị đề nghị được quyền trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Việt H vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ninh Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã K L, huyện L N, tỉnh B G. Sau ngày cưới vợ chồng về làm ăn sinh sống tại thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 không hiểu vì lý do gì chị T tự ý dọn hết đồ đạc bỏ về nhà ngoại tại tỉnh B G ở. Khi đi chị T có mang theo cả con chung đi nhưng anh đã đến tận nơi đón con về vì anh nghĩ chị T không thể nuôi con tốt được bằng anh. Vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị Ninh Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/20.... Hiện nay cháu đang ở cùng gia đình anh. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Âu Thị P là mẹ đẻ của anh Chu Việt H trình bày:

Chị Thanh và anh Hoa kết hôn vào năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống và làm ăn tại thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân cụ thể bà không nắm rõ. Đến tháng 4 năm 2021 chị T đã tự ý về nhà mẹ đẻ tại tỉnh B G sinh sống. Vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình chung sống, anh H và chị T có một con chung là cháu Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/2020. Từ khi chị T đi thì chị bỏ lại cháu N cho bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh H cũng đi làm ăn xa nhà tại tỉnh B G thỉnh thoảng mới về nhà thăm con. Hiện nay anh H vẫn ở chung cùng với vợ chồng bà. Gia đình bà gồm có 06 nhân khẩu gồm có bà, ông Chu Viết N, sinh năm 1940, anh Chu Việt H, anh Chu Văn K, sinh năm 1980, anh Chu Việt T, sinh năm 1988, anh Chu Huy H, sinh năm 1995. Anh K, anh T, anh H đều chưa lập gia đình và chung sống cùng một nhà với vợ chồng bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều

143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ninh Thị T: Xử cho chị Ninh Thị T được ly hôn với anh Chu Việt H.

- Giao cháu Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/202... cho chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Chu Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ninh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Chu Việt H, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh Chu Việt H và chị Ninh Thị T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Chu Việt H có hộ khẩu thường trú tại thôn K L, xã B Y, huyện S D, tỉnh TQ. Anh Hoa đi làm ăn xa, thi thoảng có về nhà xong lại đi ngay; khi đi anh H không thông báo lại cho địa phương nên địa phương không nắm được địa chỉ làm việc cụ thể của anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Chu Việt H vắng mặt, chị Ninh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ninh Thị T và anh Chu Việt H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2020 tại UBND xã K L, huyện L N, tỉnh B G nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bản thân chị T và anh H xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2022 đến nay không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Anh H và mẹ đẻ của anh H là bà Âu Thị P xác định vợ chồng sống anh chị ly thân là do chị T tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, anh H khai khi đi chị T

có đưa con chung cùng đi, còn theo bà P thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, đến tháng 4 năm 2021 thì chị T bỏ lại con cho bà nuôi dưỡng. Kết quả xác minh về thời điểm ly thân phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn (năm 2022). HĐXX thấy rằng, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự và người làm chứng về thời điểm ly thân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn nhưng căn cứ vào lời khai của cả hai đương sự và kết quả xác minh tại địa phương có thể xác định được: Anh H và chị T có mâu thuẫn, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không tồn tại trong khoảng thời gian 01 năm trở lại đây; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Ninh Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Chu Việt H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh H có 01 người con chung tên là Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/202... Hiện cháu N đang ở cùng gia đình anh H. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H đều có nguyện vọng muốn được nuôi con. Qúa trình giải quyết vụ án chị Ninh Thị T có cung cấp cho Tòa án 03 phiếu lương tháng 12 năm 2022; tháng 01 năm 2023 và tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH công nghệ L với mức lương dao động từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng/1 tháng và 01 bảng sao kê từ số tài khoản 0731000757482 ngân hàng Vietcombank mang tên Ninh Thị T. Xét thấy hiện nay chị T có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở. anh Chu Việt H hiện đang làm nghề lao động tự do, công việc cụ thể là làm sửa chữa xe máy với mức thu nhập tự khai là 11.000.000đồng (mười một triệu đồng)/1 tháng, anh H không cung cấp được các giấy tờ, tài liệu chứng minh được nguồn thu nhập và nơi làm việc. Hiện nay anh H vẫn đang ở chung cùng với bố mẹ đẻ và các anh chị em, chưa có nơi ở riêng biệt. Bản thân anh H lại thường xuyên đi làm ăn xa nhà không thể đảm bảo được việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung nên cần giao cháu Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/2020 cho chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Ninh Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ninh Thị T về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Chu Việt H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ninh Thị T được ly hôn với anh Chu Việt H.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Ánh N, sinh ngày 08/6/202... cho chị Ninh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Chu Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ninh Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002651 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Chu Việt H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ninh Thị T và anh Chu Việt H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã KL;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Quốc Thể - Ngô Cao Lâm **Phạm Thị Thùy Trâm**

Số TK: **106 005 989 368**
VietinBank - Chi nhánh Tuyên Quang.

Số TK: **8101 61111 9888.**
Agribank - Chi nhánh Sơn Dương - Tuyên Quang.

Chủ TK: **Phạm Thị Thuỳ Trâm**
Số ĐT: **0912 430 483**